

Bản án số: 45/2022/DS-ST
Ngày 05-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 93/2022/QĐXXST- DS, ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 379, tổ 17, ấp Thị 2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1990 và ông Bùi Văn B, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp Mỹ An 2, xã MHH, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021, các lần hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Do quen biết nên ngày 08/5/2021 bà có cho ông Bùi Thanh P và ông Bùi Văn B (cha ông P) vay số tiền 470.000.000 đồng, với lãi suất 5%/tháng, mục

đích vay để đảo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay, khi vay tiền có làm biên nhận nợ, ông P, ông B có ký tên.

Đến hạn trả ông P, ông B không trả nợ theo thỏa thuận. Bà đã nhiều lần yêu cầu các ông trả nợ nhưng các ông không thực hiện.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết: Buộc ông Bùi Thanh P và ông Bùi Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn gốc là 470.000.000 đồng. Và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông B, ông P vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Bùi Thanh P và ông Bùi Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn gốc là 470.000.000 đồng. Và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật kể từ ngày 08/5/2021 đến ngày 08/6/2021 là lãi trong hạn theo mức lãi suất 20%/năm, 1 tháng là 7.833.000 đồng, từ ngày 09/6/2021 yêu cầu tính theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 30%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất 30%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Bùi Thanh P và ông Bùi Văn B Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, coi như ông P, ông B đã từ bỏ quyền của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án có tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hoặc phản tố lại đối với yêu cầu và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Biên nhận nợ ngày 08/5/2021 có ghi số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay. Chứng minh được là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ là có căn cứ phù hợp quy định. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng là cao so với quy định nên cần phải điều chỉnh cho phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời điều chỉnh lãi suất cho phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên nhận nợ ngày 08/5/2021; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông P và ông B ngày 28/3/2022...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông P, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà vẫn vắng mặt không lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Mỹ H cho ông P, ông B vay số tiền 470.000.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Biên nhận nợ ngày 08/5/2021.

[2.1] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông P, ông B có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Biên nhận nợ ngày 08/5/2021, nhưng ông P, ông B không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một Bn đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà Bn đương sự kia đưa ra thì Bn đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp “Biên nhận nợ ngày 08/5/2021” là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

Tại Biên nhận nợ ngày 08/5/2021 thể hiện có chữ ký, điểm chỉ của ông P, ông B. Theo đó, ông P, ông B có vay của bà H số tiền 470.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Cho thấy đây là hợp đồng vay có lãi, vay có thời hạn. Xét, giao dịch giữa các Bn được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không

trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các Bn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn, trả lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy theo thỏa thuận của các đương sự trong biên nhận nợ thì thời hạn vay là 01 tháng, nhưng hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận mà người vay không trả nợ thì theo quy định của pháp luật người cho vay có quyền yêu cầu Bn vay phải trả lãi theo lãi suất quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn) là phù hợp quy định pháp luật tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện được thỏa thuận của các Bn về lãi suất cho vay 5%/tháng, nguyên đơn cũng thừa nhận lãi suất cho vay 5%/tháng. Mặc dù pháp luật cho phép các Bn đương sự tự thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn là 20%/năm. Do đó, lãi suất mà các Bn thỏa thuận 5%/tháng là 60%/năm, thỏa thuận này vượt quá quy định, nên cần điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.

Lãi suất do các Bn thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 20%/năm x 150%/năm là 30%/năm.

Ngoài ra, pháp luật còn quy định trường hợp người vay vi phạm nghĩa vụ trả lãi trên số tiền vốn gốc còn phải chịu lãi trên số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng nguyên đơn không yêu cầu là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn (từ ngày 08/5/2021 đến ngày 07/6/2021) là 01 tháng:
 $470.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 20\%/năm = 7.833.000 \text{ đồng}.$

- Lãi quá hạn (từ ngày 08/6/2021 đến ngày 05/5/2022) là 10 tháng 27 ngày:

$470.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} \times 30\%/năm = 128.075.000 \text{ đồng}.$

Vậy tiền lãi trong hạn và quá hạn là:

$7.833.000 \text{ đồng} + 128.075.000 \text{ đồng} = 135.908.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn, lãi là: $470.000.000 \text{ đồng} + 135.908.000 \text{ đồng} = 605.908.000 \text{ đồng}.$

[3] Về án phí dân sự:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông P, ông B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền bị buộc trả (605.908.000 đồng) là 28.236.000 đồng.

Bà Phạm Thị Mỹ H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí. Bà có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, nên đã miễn tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H đối với bị đơn ông Bùi Thanh P, ông Bùi Văn B:

Buộc ông Bùi Thanh P, ông Bùi Văn B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số tiền vốn, lãi là 605.908.000 đồng.

Kể từ ngày 06/5/2022 cho đến khi thi hành án xong Bn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (là 30%/năm).

2. Về án phí:

Ông Bùi Thanh P và ông Bùi Văn B phải chịu 28.236.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPL;
- Chi cục THADS TPL;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn

Lê Thị Thanh Vân

Lê Thị Hồng Thi

